

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2015

CÔNG VĂN BẢN
Số: 1409
Ngày: 02 tháng 10 năm 15

VP thđ báo
chính các CN ĐS Tài
ĐS VC
luật liên
J

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ, cấp cơ sở thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ số 29/11/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Liên Bộ: Tài chính và Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ, cấp cơ sở thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

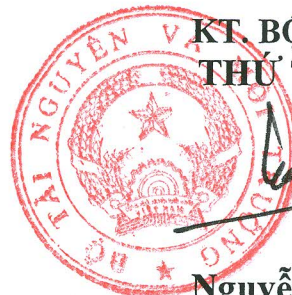
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng các Vụ: Tài chính, Kế hoạch, Tổ chức cán bộ, Khoa học và công nghệ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ trưởng Nguyễn Minh Quang (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Bộ Tài chính (Vụ TCHCSN);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Website Bộ;
- Lưu: VT, TC, Hg.45.

Ch 4



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thái Lai

QUY ĐỊNH

Về định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp

Bộ, cấp cơ sở thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường

(Kèm theo Quyết định số: 2466/QĐ-BTNMT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

- Quy định định mức chi về: Tiền công lao động trực tiếp; Thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu; chi thù lao tối đa tham gia hội thảo khoa học; chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ (chi hoạt động của các Hội đồng; chi công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ); chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

- Đối với các nội dung khác thì thực hiện theo định mức hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Liên Bộ: Tài chính và Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) có sử dụng ngân sách nhà nước (Thông tư 55) và các văn bản quy định hiện hành của nhà nước.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 2. Định mức làm căn cứ xây dựng dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

Các nội dung xây dựng dự toán nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 7 của Thông tư 55, trong đó Bộ quy định một số định mức như sau:

1. Dự toán tiền công trực tiếp đối với từng chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ, cấp cơ sở được tính theo công thức và định mức như sau:

$$Tc = Lcs \times Hsten \times Snc$$

Trong đó:

Tc: Dự toán tiền công của chức danh

Lcs: Lương cơ sở do Nhà nước quy định

Hsten: Hệ số tiền công ngày tính theo lương cơ sở của từng chức danh tính theo Bảng 1 dưới đây

Snc: Số ngày công của từng chức danh

Bảng 1: Hệ số tiền công ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ, cấp cơ sở thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường

STT	Chức danh	Nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ			Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở		
		Hệ số chức danh nghiên cứu (Hcd)	Hệ số lao động khoa học (Hkh)	Hệ số tiền công theo ngày Hsten= $(Hcd \times Hkh)/22$	Hệ số chức danh nghiên cứu (Hcd)	Hệ số lao động khoa học (Hkh)	Hệ số tiền công theo ngày Hsten= $(Hcd \times Hkh)/22$
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	5,42	2	0,49	3,99	1,7	0,31
2	Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học	3,99	1,5	0,27	3,33	1,3	0,20
3	Thành viên	3,33	1,3	0,20	3,00	1,2	0,16
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	2,66	1,1	0,13	2,46	1	0,11

Hệ số tiền công nêu trên là mức hệ số tối đa. Căn cứ khả năng, nguồn lực, đặc thù, trình độ hoạt động KH&CN của cơ quan, đơn vị trình phê duyệt hoặc phê duyệt theo phân cấp đảm bảo không vượt quá mức quy định nêu trên.

Dự toán tiền công trực tiếp đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ không quá 20% tổng dự toán tiền công trực tiếp đối với các chức danh tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Bảng 1 nêu trên.

2. Thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu.

Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở không được thuê chuyên gia; trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ có nhu cầu thuê chuyên gia, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, lập thuyết minh nêu rõ cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc. Bộ quy định cụ thể như sau:

a) Trường hợp thuê chuyên gia trong nước:

Mức dự toán thuê chuyên gia theo ngày công không quá 25.000.000 đồng/người/tháng (22 ngày/1 tháng), quy định cụ thể cho từng mức chuyên gia như sau:

- Đối với chuyên gia tương đương với nghiên cứu viên cao cấp bậc 1 trở lên: mức thuê không quá 25.000.000 đồng/người/tháng (22 ngày/1 tháng);

- Đối với chuyên gia tương đương với nghiên cứu viên chính bậc 1 trở lên: mức thuê không quá 20.000.000 đồng/người/tháng (22 ngày/1 tháng).

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ.

Trong trường hợp đặc biệt, nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ có dự toán thuê chuyên gia trong nước vượt quá mức quy định nêu trên hoặc tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước vượt quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ đơn vị lập dự toán trình Bộ xem xét, phê duyệt.

b) Trường hợp thuê chuyên gia ngoài nước:

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ. Thủ trưởng cơ quan khi thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ có sử dụng ngân sách nhà nước chịu trách nhiệm về nội dung và mức kinh phí thuê chuyên gia ngoài nước.

Trong trường hợp đặc biệt, nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước vượt quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ, đơn vị lập dự toán trình Bộ xem xét, phê duyệt.

3. Dự toán chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu.

Nội dung và định mức chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu được xây dựng và thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước và Quyết định 784/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về tiêu chuẩn, mức chi thanh toán công tác phí và hội nghị phí sử dụng ngân sách nhà nước trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường. Ngoài ra, Quy định mức xây dựng dự toán chi thù lao tối đa tham gia hội thảo khoa học như sau:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
1	Người chủ trì:	đồng/buổi	900.000	600.000
2	Thư ký hội thảo	đồng/buổi	300.000	200.000
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo	đồng/báo cáo	1.200.000	800.000
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo	đồng/báo cáo	600.000	400.000
5	Thành viên tham gia hội thảo:	đồng/thành viên/buổi	150.000	100.000

4. Dự toán chi họp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có): được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên hội đồng với mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ, cấp cơ sở được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 của Quy định này, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa	
			Cấp Bộ	Cấp cơ sở
1	Chi họp Hội đồng tự đánh giá	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch hội đồng		450	300
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		300	200
	Thư ký hành chính		90	60
	Đại biểu được mời tham dự		75	50
2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		150	100

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa	
			Cấp Bộ	Cấp cơ sở
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		225	150

5. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN.

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ KH&CN, bao gồm: chi điện, nước, các khoản chi hành chính phát sinh liên quan đảm bảo triển khai nhiệm vụ KH&CN tại tổ chức chủ trì; chi tiền lương, tiền công phân bổ đối với các hoạt động gián tiếp trong quá trình quản lý nhiệm vụ KH&CN của tổ chức chủ trì.

Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ KH&CN bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng đối với nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ và 20 triệu đồng đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

Điều 3. Các nội dung chi quản lý nhiệm vụ KH&CN

Các nội dung chi quản lý nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 8 của Thông tư 55, Bộ quy định một số định mức chi quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ, cấp cơ sở như sau:

1. Định mức chi hoạt động của các Hội đồng:
 - a) Chi tiền công:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa	
			Cấp Bộ	Cấp cơ sở
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN	Hội đồng		
	Chủ tịch hội đồng		600	400
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		500	350
	Thư ký hành chính		200	150
	Đại biểu được mời tham dự		150	100
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét		

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa	
			Cấp Bộ	Cấp cơ sở
		đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		200	150
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		300	250
2	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN	Hội đồng		
	Chủ tịch hội đồng		900	600
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		600	400
	Thư ký hành chính		200	150
	Đại biểu được mời tham dự		150	100
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		300	200
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		450	300
3	Chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ KH&CN			
	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	450	300
	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	350	200
	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	200	150
	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	150	100
4	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN			
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch hội đồng		900	600

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa	
			Cấp Bộ	Cấp cơ sở
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		600	400
	Thư ký hành chính		200	150
	Đại biểu được mời tham dự		150	100
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		300	200
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		450	300

b) Định mức chi tiền công của các Hội đồng tại điểm a khoản 1 Điều 3 Quy định này là định mức tối đa, các đơn vị căn cứ khả năng, nguồn lực, đặc thù, trình độ hoạt động KH&CN của đơn vị mình có trách nhiệm phê duyệt các mức chi đảm bảo không vượt quá định mức quy định điểm a khoản 1 Điều 3 nêu trên.

c) Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ:

a) Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra, đánh giá giữa kỳ được xây dựng theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí áp dụng cho các cơ quan nhà nước.

b) Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá giữa kỳ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá giữa kỳ) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 của Quy định này, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa	
			Cấp Bộ	Cấp cơ sở
1	Chi họp Hội đồng đánh giá giữa kỳ	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch hội đồng		450	300
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		300	200
	Thư ký hành chính		100	75

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa	
			Cấp Bộ	Cấp cơ sở
	Đại biểu được mời tham dự		75	50
2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		150	100
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		225	150

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 4. Hiệu lực thực hiện

1. Quy định về định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ, cấp cơ sở thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường này có hiệu lực kể từ ngày ký.

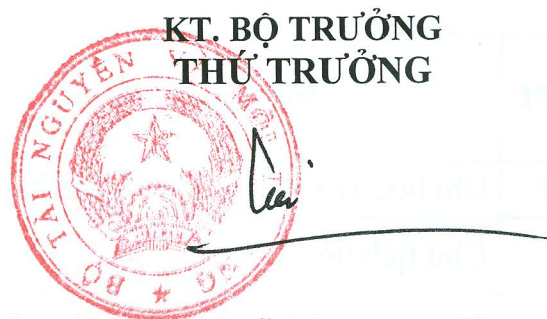
2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật mà Quy định này dẫn chiếu áp dụng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

Điều 5. Trách nhiệm thực hiện

1. Vụ Tài chính chủ trì, phối hợp với Vụ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức hướng dẫn triển khai và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị phản ánh bằng văn bản về Bộ Tài nguyên và Môi trường để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

u



Nguyễn Thái Lai